

MỘT SỐ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG BIẾN ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP

Some traditional ethical values change during integration

TS. Trần Thị Tùng Lâm

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Tóm tắt

Trong những năm gần đây có sự thay đổi mạnh mẽ về quan niệm hệ giá trị, đặc biệt là các giá trị đạo đức. Điều đó gây quan ngại cho hầu hết những người quan tâm ít nhiều đến đời sống xã hội. Do vậy cần phải có cái nhìn khách quan để lý giải nó, thấy được sự biến động, tính tất yếu của quá trình vận động, biến đổi của ý thức xã hội trong điều kiện mới. Bài viết chỉ bàn giới hạn ở một số giá trị đạo đức, quan niệm đạo đức như phẩm chất trung, đạo hiếu, quan hệ thầy - trò và phụ huynh, quan hệ giữa người bệnh và người chữa bệnh... đang là những điểm nóng trong dư luận xã hội.

Từ khóa: *Giá trị; giá trị đạo đức, biến đổi, quá trình hội nhập*

Abstract

In recent years, there has been a strong change in the concept of the value system, especially the moral values. That is of concern to most people who are more or less interested in social life. Therefore, it is necessary to have an objective view to explain it, see the fluctuation, the inevitability of the movement process, the change of social consciousness in new conditions. The article is only limited to some ethical values, ethical conceptions such as intermediate qualities, filial piety, teacher-student relationship and parent relationship, the relationship between the patient and the healer ... are hot spots in public opinion.

Key word: Value ; Morality; Change

1. Đặt vấn đề

Đạo đức là một trong các yếu tố cơ bản tạo nên sức mạnh tinh thần của dân tộc ta. Cốt lõi của đạo đức truyền thống là lòng trung thành với Tổ quốc và dân tộc. Các giá trị đạo đức (GTĐĐ) cơ bản được xác lập, thực thi trên cơ sở chủ nghĩa yêu nước gắn bó chặt chẽ với lòng thương dân và lòng nhân ái truyền thống, khát vọng phát triển của cả dân tộc trong lịch sử.

Trong những năm gần đây, không chỉ giới lý luận mà công chúng và những người làm truyền thông đều bộc lộ sự quan ngại đến hiện tượng biến đổi các giá trị trong đó đặc biệt quan trọng là những GTĐĐ. Đâu đâu cũng thấy sự phàn nàn và thậm chí phẫn nộ, cho rằng đạo đức xã hội đang “xuống cấp” một cách trầm trọng. Song bình tĩnh mà suy xét, chúng ta sẽ thấy sự thay đổi đó là tất yếu, hợp quy luật và cần thiết trong thời kỳ hội nhập toàn diện với thế giới hiện nay. Tất nhiên thay đổi không có nghĩa là phủ nhận cái cũ mà chỉ là điều chỉnh nội dung, điều chỉnh tinh thần, thái độ cho phù hợp với thời đại mới.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giá trị và giá trị đạo đức

Giá trị được định nghĩa trong *Từ điển triết học giản yếu* như sau: “Giá trị là một khái niệm triết học và xã hội học chỉ ý nghĩa của các hiện tượng vật chất cũng như tinh thần có khả năng thỏa mãn nhu cầu, phục vụ lợi ích của con người. Ở đây các hiện tượng được đánh giá dưới góc độ đáng hay không đáng mong muốn, có ý nghĩa tích cực hay tiêu cực đối với đời sống” [1, tr. 175-176]. PGS. TS. Trương Ngọc Nam cũng đưa ra định nghĩa: “Giá trị tinh thần là cái có ý nghĩa, cái có lợi, thỏa mãn nhu cầu tồn tại và phát triển của con người. Giá trị cũng là cái qui định mục đích của hoạt động và động cơ thúc đẩy hoạt động đạt được mục đích đó” [2].

Đạo đức được hiểu là một lĩnh vực tinh thần của đời sống xã hội, bao gồm những nguyên lý (đạo lý), quy tắc, chuẩn mực điều tiết hành vi của con người trong quan hệ với người khác và với cộng đồng, được thực hiện chủ yếu nhờ tự giác hoặc dư luận xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, đạo đức chịu sự tác động mạnh mẽ của các quan hệ chính trị, pháp luật, tôn giáo... nó phụ thuộc trực tiếp vào cơ sở hạ tầng (tức toàn bộ các quan hệ sản xuất hợp thành cơ cấu kinh tế của một xã hội nhất định) và cuối cùng nó bị tồn tại xã hội (tức sinh hoạt vật chất và điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội) quy định, mặc dù có tác động mạnh mẽ trở lại.

Như vậy, GTĐĐ là những quan hệ ứng xử giữa con người với con người được cộng đồng xã hội mong muốn. Những cách ứng xử làm hại người khác, làm hại xã hội, bị cộng đồng xã hội phê phán về căn bản bị coi là vô đạo đức [3].

Những GTĐĐ đó lệ thuộc vào thời đại và điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội. Hoàn cảnh kinh tế - chính trị thay đổi thì các GTĐĐ cũng thay đổi theo, không có cách gì cưỡng lại được. Một số phẩm chất đạo đức được bàn đến trong bài này là sự minh họa không những cho lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin mà còn là sự hiện minh thời đại, mặc dù thoát nghe, vì thói quen có người có thể đi ứng.

2.2. Sự biến đổi một số giá trị (quan niệm) của đạo đức truyền thống

Trước hết nói về *đạo trung*, phẩm chất đạo đức số một của con người trong xã hội phong kiến, hàng nghìn năm qua nó được ca tụng hết lời. Trên thực tế, phẩm chất này giúp các triều đại củng cố được quyền thống trị của mình, hạn chế các cuộc “phiến loạn” cướp ngôi. Trong xã hội phong kiến, sở hữu của nhà vua được mặc định là toàn bộ những gì “dưới vòm trời” (thiên hạ). Vua có đặc quyền cho ai sống thì người đó được sống, bắt ai chết thì người đó chịu chết và vẫn phải: “Tạ ơn Hoàng thượng ban chết”. Từ thời Tống, sự độc tài, độc quyền của vua trở nên cao độ. Tất cả thần dân bắt buộc phải thâu nhận: “Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”. Đó là sự dối trá, lừa lọc điển hình nhất của đạo đức phong kiến. Con người nếu không chịu chết, bất kể đúng sai, phải trái thế nào cũng là bất trung với vua, là kẻ vô đạo đức.

Đối với sự vận động và phát triển xã hội, đạo trung duy trì lâu dài những triều đại đã qua thời hưng thịnh. Đến một giai đoạn nào đó, do hưởng lộc sẵn từ tiền bối dễ này sinh những kẻ nối ngôi kém cả bản lĩnh lẫn nhân cách. Rút cục xã hội khó thoát khỏi những cơn náo loạn. Nếu cố kéo dài sự thống trị của

vương triều suy tàn sẽ kìm hãm sự phát triển của hầu hết các lĩnh vực sản xuất vật chất cũng như tinh thần.

Nhìn chung trong xã hội phong kiến dân chúng đắm chìm trong đạo cương thường. Chỉ một số rất ít người dám vượt qua vòng cương tỏa này. Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là một trong những người đầu tiên nhận rõ sự lạc hậu của đạo lý trung quân. Ông không chịu lệ thuộc một cách giáo điều vào cách hiểu của các hủ nho và tạo lập một giá trị mới cho đạo trung. Ông là một trong những người đầu tiên đưa “đương kim Hoàng thượng” ra chế nhạo trên mặt báo chí nước ngoài vì vua chỉ sắm vai trò bù nhìn trong điều kiện đất nước bị mất độc lập. Ông đã đưa lên mặt báo một vở kịch chế giễu ông vua linh thiêng rờm, một truyện ngắn lột tả những nét ketch cớm, lố lăng của một ông vua có vốn hiểu biết hết sức thấp kém về văn hóa phương Tây nhưng lại thích trưng diện theo kiểu cầu kỳ, xa xỉ. Nguyễn Ái Quốc liên tục tố cáo tình trạng thấp kém về kinh tế, chính trị, xã hội... ở Việt Nam, là những cái mà nhà vua phải chịu trách nhiệm. Hồ Chí Minh đã đưa ra một cách hiểu mới về trung; đó là trung với Đảng, trung thành với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Người đòi hỏi các cán bộ cách mạng và các chiến sỹ trong lực lượng vũ trang phải trung như vậy. Cả cuộc đời Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng về lòng trung thành kiểu mới: Lòng trung thành với dân tộc, với sự nghiệp cách mạng, với sự nghiệp đấu tranh giải phóng con người [6, tr. 479-640].

Cũng có lúc cộng đồng cho việc tự ý vượt biên mưu sinh là bất trung, là phản bộ dân tộc, phản bội Tổ quốc nhưng ngày nay, việc tìm kế sinh nhai ở đất nước khác có thể coi là chuyện bình thường. Hiện tại, những người dân vượt biển ra hải ngoại để lánh nạn xung đột quân sự, những khủng hoảng về kinh tế,... gần đây đã được xem là thành phần đáng thương chứ không phải là đối tượng bị lên án về tinh thần ái quốc, lòng trung thành với dân tộc.

Đạo hiếu, nội dung thứ hai của cương thường cũng bị xáo trộn một cách dữ dội trong thế kỷ XX. Trong hoàn cảnh mất nước, các bậc đại trượng phu của dân tộc đã nêu gương chấp nhận nhà tan khi mất nước, chấp nhận bỏ lại cha già, mẹ héo để tìm đường cứu dân tộc thoát khỏi ách đô hộ của nước ngoài. Họ đã dám bỏ qua chuẩn mực phải là trụ cột để cha mẹ già nương tựa, không tại gia để nuôi nấng đáng sinh thành, đi biệt xứ và không thực hiện bốn phận đòi hỏi: “phụ mẫu tại, bất viễn du, du tất hữu phương” [4].

Sau này, trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, hàng chục vạn thanh niên cũng bỏ lại cha mẹ già cho làng xóm, đặt đại nghĩa đối với dân tộc lên trên chữ hiếu. Theo đà đó, sau chiến tranh trong cuộc sống khó khăn eo hẹp, thu nhập của công nhân viên chức ít ỏi, hầu hết mọi người chỉ cố gắng nuôi con mà không làm tròn bốn phận “nuôi bố mẹ già với lòng thành kính”. Nhiều trí thức khi nghỉ hưu đã chua xót tự kiểm điểm không đáng là người vì “ngẩng lên không thờ được cha mẹ, cúi xuống không nuôi nổi vợ con”. Những năm 80, 90 của thế kỷ XX đã có nhiều câu chuyện đau lòng con cái đùn đẩy nhau việc nuôi dưỡng cha mẹ. Đến nay, những câu chuyện này đã giảm. Mặc dù vậy nó vẫn để lại dấu ấn nặng nề trong đời sống đạo đức xã hội. Đạo hiếu là giá trị không nên bị coi nhẹ như Ngô Thị Nhậm đánh giá, nó phải được

“nghìn đời thiên cổ”. Tuy nhiên, một số nội dung của đạo hiếu cũng được xã hội chấp nhận điều chỉnh như sau:

- Ngày trước, làm quan mà không kính với dân hoặc không liêm không được coi là hiếu nhưng ngày nay dư luận xã hội rộng lượng hơn. Những cán bộ có chức, có quyền thì cha mẹ của họ được tập thể của con mình lưu ý, lễ lạt, viếng thăm nhiều. Làm quan chức như vậy không bị coi là bất hiếu.

- Ngày trước, nếu không có con nối dõi tông đường thì bị coi là đại bất hiếu: “bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” nhưng do công cuộc tìm chế gia tăng dân số, việc các gia đình không có con trai mà không sinh thêm con thứ ba được coi là tiên bộ.

Đạo đức của người làm cán bộ, đạo đức Nho giáo từ thời Tiên Tần cho đến thời Đường vẫn luôn luôn đòi hỏi làm quan phải kính với dân. Sang thời Tống, giáo lý đạo đức trở nên một chiều, khắc nghiệt. Quan được ví như cha mẹ dân: “quan phụ mẫu”. Vị quan tốt là người thương yêu dân, coi dân như con. Đạo lý này thấm xuống dân tộc Việt cho đến ngày nay. Ít có cán bộ tỏ ra lễ độ với dân chúng, với cấp dưới. Ngược lại, số đông dân chúng vì lợi ích cá nhân luôn có tâm lý khiếp sợ lãnh đạo. Điều này bộc lộ rất rõ trong đời sống thường nhật ở các đơn vị, cơ quan và quy mô toàn xã hội.

Trong thời kỳ hội nhập, xã hội đang đòi hỏi phải được vận hành dân chủ hơn. Ở các nước phát triển cao về tinh thần thượng tôn pháp luật, người ta ít thấy dân chúng sợ hãi, khúm núm trước các quan chức, công chức trong bộ máy công quyền. Người nào người nấy hưởng thành quả do lao động của mình tạo ra. Người làm chính sách thì phải làm chính sách tốt nhất do mình nhận lương để làm việc đó. Người thực thi chính sách cũng chẳng qua làm bổn phận của người thực thi. Nếu làm không tốt, không minh bạch sẽ bị cả xã hội moi móc, báo chí tự do phanh phui (nếu đúng sự thật). Người làm tư pháp cũng phải coi luật pháp là trên hết, phải trừng phạt kẻ làm sai. Nếu không làm tròn bổn phận này đối với xã hội cũng sẽ bị trừng phạt.

Nếu Việt Nam tách bạch rõ ràng hơn nữa nhiệm vụ, chức năng, nhân sự trong các cơ quan này, chấm dứt tính trạng “vừa đá bóng vừa thổi còi” hiện nay thì “sĩ” trong các cơ quan nhà nước dần dần trở lại đúng giá trị thực của nó trong đời sống xã hội hiện đại. Sự chạy chọt, “lót tay” để có chỗ làm trong bộ máy hưởng lương từ ngân sách nhà nước sẽ giảm đi. Cùng với nó là nạn tham nhũng cũng thuyên giảm, không còn là “vấn nạn nhức nhối” trong xã hội nữa.

2.3. Những giá trị đạo đức được biểu hiện thông qua một số quan hệ xã hội

Quan hệ thầy - trò và phụ huynh có nhiều thay đổi và cần thay đổi. Ngày trước, một lực lượng sĩ đông đảo không thi đỗ, phải quay về các vùng quê của mình để làm nghề dạy học, tiến vi quan, thoái vi sư. Các thầy đồ trong xã hội phong kiến phương Đông được coi trọng đặc biệt vì 2 lẽ:

2.3.1. Đó là những người hiểu biết nhất trong cộng đồng. Những người làm nghề nghiệp khác chỉ biết kỹ năng thực hành công việc của chính mình, chỉ có thầy đồ hiểu biết văn chương, nghĩa lý, nhân tình thế thái, biết “một cách chữ nghĩa” đạo làm người: đạo trung, hiếu, lễ, nghĩa...

2.3.2. Trong điều kiện kỹ thuật ấn loát kém phát triển, sách vở chủ yếu là chép tay, do đó người có sách là người đọc quyền hiểu biết. Từ hoàn cảnh này, đáng lẽ quan hệ thầy trò là quan hệ đối tác dịch vụ thì lại trở thành quan hệ mang tính chất đạo đức, sự ơn huệ. Trong đó, người dạy mang nặng tâm lý của kẻ ban ơn, còn người học mặc dù cung cúc “trả phí” cao đến mức một nhóm học trò phải nuôi thầy, thậm chí nuôi cả gia đình thầy qua hình thức “lễ” vẫn là kẻ chịu ơn.

Trên thực tế, sự “trọng thầy” đặt ở hàng cao nhất (hàng quân - sư - phụ) có tác dụng to lớn trong việc đào tạo đội ngũ quan chức cho xã hội, phổ biến và lưu truyền văn hóa, ổn định quan hệ xã hội suốt trong thời kỳ phong kiến lẫn “thời kỳ quá độ tiến lên xã hội chủ nghĩa” ở Việt Nam nhưng dần dần, do nhu cầu học tập của xã hội tăng, do sự chênh lệch thu nhập trong nội bộ những người “được đào tạo bài bản” mà ở đó nhà giáo là những người nhận thu nhập thấp nhất, xuất hiện hoạt động dạy - học hướng đến hai chủ đích song song. Người học hiểu biết và củng cố thêm những tri thức cần thiết, người dạy có thêm thu nhập và cũng từ đó luyện thêm kỹ năng nghề nghiệp. Do quan hệ này mang tính chất cung ứng dịch vụ phát triển hiểu biết nên quan hệ ban ơn, hàm ơn trong giáo dục phải giảm xuống, nhường chỗ cho quan hệ hợp tác là hoàn toàn hợp quy luật. Bộ máy truyền thông cần phá vỡ ảo tưởng về một quan niệm không có cơ sở từ hiện thực rằng có nghề thầy giáo (và nghề thầy thuốc) là nghề cao quý nhất trong các nghề, những người thầy giáo phải là tấm gương về sự hy sinh, chịu thiệt thòi vì người khác, vì xã hội.

Trong thế giới hiện đại, các trường học, cơ sở đào tạo đua nhau mở ra và nơi nơi tìm cách quảng cáo chiêu sinh. Trong nước cũng đang hô hào vận động điều chỉnh quan hệ: “lấy người học làm trung tâm”. Các trung tâm đào tạo từ lâu đã “tìm người để dạy”, chứ không phải ngao nghễ, “mục hạ vô nhân” chờ người đến tôn mình làm thầy. Tất nhiên, trường sở nào cũng sẽ từ chối phục vụ những đối tác cư xử không đúng phép, không tôn trọng người thầy và trường sở đúng mức.

Xã hội hiện đại đang quan tâm đến “y đạo”. Trong hoàn cảnh tri thức bị độc quyền, bị kiểm tỏa như thời phong kiến, ai có chuyên môn làm “thầy thuốc, thầy lang” có đặc quyền chữa trị, bán thuốc cho người khác lấy tiền mà vẫn coi như sự ban ơn. Do dân trí thấp kém, cộng đồng đã kính cẩn trước các “thầy thuốc”. Các “lương y” được ví như “tù mẫu”, mẹ hiền. Nghề thầy thuốc được coi là nghề có thứ bậc đạo đức cao trong xã hội.

Đến nay, giá trị này đang dần dần trở về đúng vị trí của nó. Nghề y phát triển mạnh mẽ. Tri thức y học được phổ biến toàn cầu. Sự độc quyền hiểu biết y học và các “bí mật nghề y” đã hết thời. Nghề y cũng chỉ là một hoạt động dịch vụ xã hội nên phải coi người bệnh là đối tác của mình, lễ độ với bệnh nhân, nâng cao chất lượng, hạ thấp giá thành đến mức có thể. Ngược lại người bệnh mất tiền chữa trị khi được tôn trọng đúng mức cũng phải có thái độ đáp lễ tương xứng. Lối ứng xử này đang diễn ra ở các cơ sở y tế ngoài công lập hoặc khi ra chữa bệnh ở nước ngoài. Nó cần được bắt rễ trong các cơ sở khám chữa bệnh công lập. Để thực hiện được điều đó, các cơ chế chính sách về y tế, về chăm sóc

sức khỏe cộng đồng phải được điều chỉnh rất nhiều.

Năm 2020, 2021 là 2 năm đáng nhớ của các Thầy thuốc vì có đến 365 ngày được cả thế giới tôn vinh, cho dù là năm thứ hai liên tiếp nhân viên y tế không có lễ kỷ niệm Ngày Thầy thuốc Việt Nam do tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Tổ chức Y tế Thế giới đã chính thức chọn năm 2021 là Năm Quốc tế của Thầy thuốc trên toàn thế giới, tên gọi chính xác là Năm Quốc tế của Nhân viên y tế và Nhân viên chăm sóc (Year of the Health and Care Workers 2021- WHO).

2 năm qua các hoạt động của ngành Y tế nước nhà đã lắng đọng lại trong mọi người những cảm xúc đặc biệt với nhiều cung bậc khác nhau: Đó là cảm xúc đẹp của mỗi người được trở lại một thời dần thân của tuổi trẻ ở những thời điểm đất nước còn khó khăn với những hoạt động xung kích, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng. Lần trở lại này là dành riêng cho chính các chiến sĩ áo trắng, họ là những bác sĩ và điều dưỡng của các bệnh viện tình nguyện không chút suy tính dù biết rằng môi trường làm việc tiềm ẩn nhiều nguy cơ của dịch bệnh. Ngược lại, xã hội đã ghi nhận và trân trọng khi chung tay tiếp thêm sức mạnh cả về tinh thần lẫn vật chất (về phương tiện làm việc cho nhân viên y tế) của rất nhiều cá nhân và tổ chức trong xã hội, họ đã chủ động tìm đến các bệnh viện và cơ sở y tế để động viên, trao tặng những món quà đầy ý nghĩa mà không một yêu cầu gì khác ngoài mong giúp thêm phương tiện cho các thầy thuốc làm việc thuận lợi hơn và những giá trị tốt đẹp của “y đạo” đã được phát huy cao độ trong thiên tai, dịch bệnh.

3. Kết luận

Trong thời kỳ hội nhập có nhiều giá trị đã và đang chuyển dịch. Vì lẽ đó tổ chức UNESCO của Liên hợp quốc đã ra tuyên bố khẳng định vai trò to lớn của đời sống tinh thần (văn hóa, đạo đức,...) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội đây là lý do các chương trình, dự án quốc tế về hỗ trợ các nước nghèo, kém phát triển đã ra đời. Trong thực tế một bộ phận cư dân giàu có và trung lưu thấy được hạnh phúc con người không phải đến từ các giá trị vật chất, mà chủ yếu từ các giá trị tinh thần vì vậy tích cực tham gia thiện nguyện giúp đỡ cộng đồng thông qua các việc làm cụ thể như cứu trợ thiên tai, bệnh tật.... Về cơ bản, sự chuyển dịch đó là xác đáng, đúng quy luật. Việc hô hào vận động, tuyên truyền giáo dục chỉ nên coi là biện pháp hỗ trợ. Biện pháp quyết định vẫn là các chính sách kinh tế - xã hội. Chính sách đúng sẽ nắm các giá trị chuyển dịch đúng dòng, hội nhập thuận lợi với thế giới đương đại. Chính sách không phù hợp, có sùỵ cho các giá trị đã qua thời sẽ làm xã hội vận hành ngúc ngắc, chậm chạp, khó khăn. Tuy nhiên, đề ra được chính sách đúng, phù hợp với thực tế cuộc sống thì những người làm chính sách vừa phải có minh triết đúng đắn về xã hội, vừa trải nghiệm thực tiễn sâu sắc. Thiếu một trong hai yếu tố cốt tử đó thì khó tránh khỏi đề xuất các chính sách “trên trời” không đi vào cuộc sống.

Tài liệu tham khảo

1. Hữu Ngọc, Dương Phú Hiệp, Lê Hữu Tăng, *Từ điển triết học giản yếu*, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987.
2. Trương Ngọc Nam, “*Báo cáo đề dẫn Hội thảo khoa học quốc tế Giáo dục giá trị trong bối cảnh hội*

nhập”, Hội thảo khoa học quốc tế tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền ngày 04/7/2015.

3 Trong chuyên môn đạo đức học, người ta phân biệt ra ba loại hành vi: 1/ hành vi đạo đức là hành vi làm hết mình vì người khác, không quan tâm đến chuyện mình được mất gì; 2/ hành vi phi đạo đức (không tính về mặt đạo đức) là hành vi mang lại lợi ích cho người khác và xã hội nhưng cuối cùng mình được lợi; 3/ hành vi vô đạo đức là hành vi ích kỷ hại nhân, lợi mình mà tổn hại đến lợi ích chính đáng của người khác và xã hội.

4. Thiên Lý Nhân, *Luận ngữ*, Hồ sĩ hiệp dịch, NXB Đồng Nai, 1995

5. Nguyễn Văn Đại, Trần Thị Tùng Lâm, *Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam*, NXB Chính trị - Hành chính Quốc gia, Hà Nội, 2009.

6. Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (tập 5), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 1995.